
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.68	0.01	0.14	0.00	3Y	0.68	0.004
1W	0.79	0.00	0.18	0.01	5Y	0.79	-0.009
2W	0.89	0.00	0.22	0.01	7Y	1.17	0.007
1M	1.18	0.01	0.30	0.01	10Y	2.09	-0.008
2M	1.47	0.01	0.37	0.00	15Y	2.36	0.004
3M	1.59	0.02	0.46	-0.01			
6M	1.82	-0.02	0.74	0.01			
9M	2.38	-0.03	1.13	0.04			
1Y	2.73	-0.08	1.20	0.03			

Nguồn: Reuters

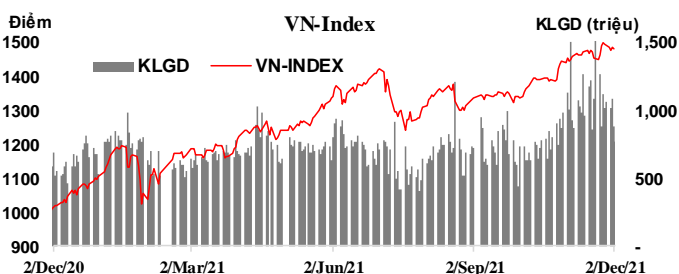
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
02-12-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-
01-12-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-
30-11-21	1	91	2.50	5,000	-	-	-	-

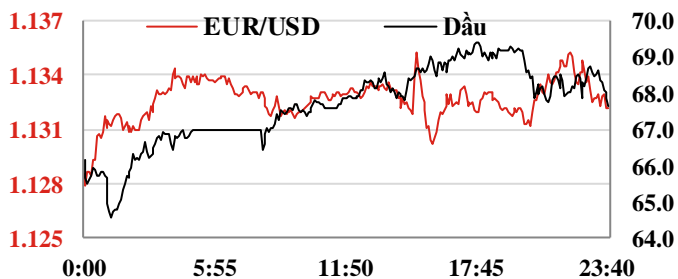
Thị trường TPCP sơ cấp

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu
VDB	2-Dec-21	5	1000	0	0.00%
VDB	2-Dec-21	7	1000	0	0.00%
VDB	2-Dec-21	10	1500	1500	2.32%
Tổng			3500	1500	

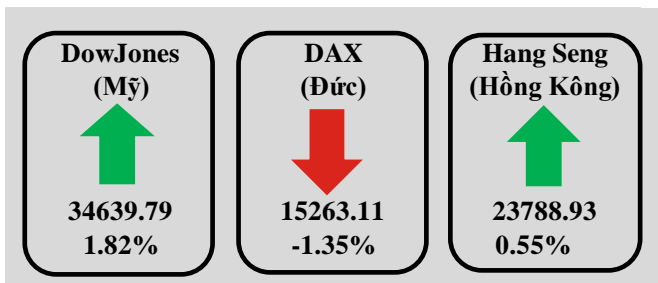
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1482.05	458.23	114.55
%/ngày	-0.21%	0.53%	-0.03%
%/31/12/2020	34.26%	125.6%	53.9%
KLGD (tr.đ.vị)	763.96	124.03	100.1
GTGD (tỷ đ)	23002.22	3067.59	1962.53
NĐINN mua (tỷ đ)	1191.47	10.31	0.70
NĐINN bán (tỷ đ)	1932.03	22.77	0.26


Tin trong nước ngày 02/12

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 02/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.127 VND/USD, giảm mạnh 16 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.650 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.771 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.740 VND/USD, tăng khá mạnh 30 đồng so với phiên 01/12. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở chiều mua vào trong khi giảm 25 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.480 VND/USD và 23.515 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 02/12, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 1W và 2W so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,68%; 1W 0,79%; 2W 0,89 và 1M 1,18%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn ON, giao dịch tại: ON 0,14; 1W 0,18%; 2W 0,22%, 1M 0,30%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn 5Y và 10Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,68%; 5Y 0,79%; 7Y 1,17%; 10Y 2,09%; 15Y 2,36%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 91 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường chứng khoán:** Sau phiên hồi phục hôm qua nhờ nhóm cổ phiếu ngân hàng, thị trường đã quay lại giảm điểm trong phiên hôm nay, nhưng mức giảm không lớn và thanh khoản tiếp tục sụt giảm. Kết phiên, VN-Index giảm 3,14 điểm (-0,21%), xuống 1.482,05 điểm; HNX-Index tăng 2,42 điểm (+0,53%) lên 458,23 điểm; UPCoM-Index giảm 0,03 điểm (-0,03%), đóng cửa tại 114,55 điểm. Thanh khoản thị trường giảm khá mạnh với tổng giá trị giao dịch đạt trên 28.000 tỷ VND. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên 752 tỷ VND trên cả ba sàn.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 02/12/2021, NH PTVN huy động thành công 1.500/3.500 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu 43%), toàn bộ ở kỳ hạn 10 năm. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,32%/năm. Kỳ hạn 5 năm và 7 năm đầu thầu thất bại.
- Theo báo cáo của Bộ Tài chính, thu NSNN trong tháng 11/2021 ước đạt 128,8 nghìn tỷ đồng.** Lũy kế 11 tháng ước đạt 1,389 triệu tỷ đồng, bằng 103,4% dự toán, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, thu nội địa thực hiện tháng 11 ước đạt 107,29 nghìn tỷ đồng. Lũy kế thu nội địa 11 tháng ước đạt 1,14 triệu tỷ đồng, bằng 100,6% dự toán, tăng 6,2% so cùng kỳ năm 2020 (cùng kỳ năm 2020 đạt 96,5% dự toán, giảm 6,8%). Thu từ dầu thô tháng 11 ước đạt 4,5 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 11 tháng ước đạt 38,1 nghìn tỷ đồng, bằng 164,2% dự toán, tăng 20% so cùng kỳ. Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu tháng 11 ước đạt 17 nghìn tỷ đồng; lũy kế thu 11 tháng ước đạt 210,6 nghìn tỷ đồng, bằng 118% dự toán, tăng 24,3% so cùng kỳ.



	2 Dec 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	96.16	0.13%	-0.64%	6.91%
USD/CNY	6.38	0.14%	-0.15%	-2.28%
USD/EUR	0.89	0.18%	-0.82%	8.09%
USD/JPY	113.15	0.35%	-1.91%	9.60%
USD/KRW	1176.74	-0.02%	-1.13%	8.51%
USD/SGD	1.37	0.27%	0.10%	3.64%
USD/TWD	27.75	0.24%	-0.14%	-1.15%
USD/THB	33.88	0.47%	1.50%	12.78%
USD/VND Trung tâm	23127	-0.07%	-0.09%	-0.02%
USD/VND LNH	22740	0.13%	0.30%	-1.51%
USD/VND tự do	23480	0.00%	0.34%	0.77%
Vàng	1768.21	-0.81%	-1.13%	-6.76%
Dầu	66.50	1.42%	-15.17%	37.06%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0776	0.0005		
SW	0.0753	-0.0003		
1M	0.1035	0.0009	0.3000	0.0000
2M	0.1383	-0.0055		
3M	0.1801	0.0055	0.4375	0.0000
6M	0.2678	-0.0018	0.5932	0.0000
1Y	0.4559	-0.0024	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 01/12/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	14/12/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	16/12/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	16/12/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/12/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	07/12/2021

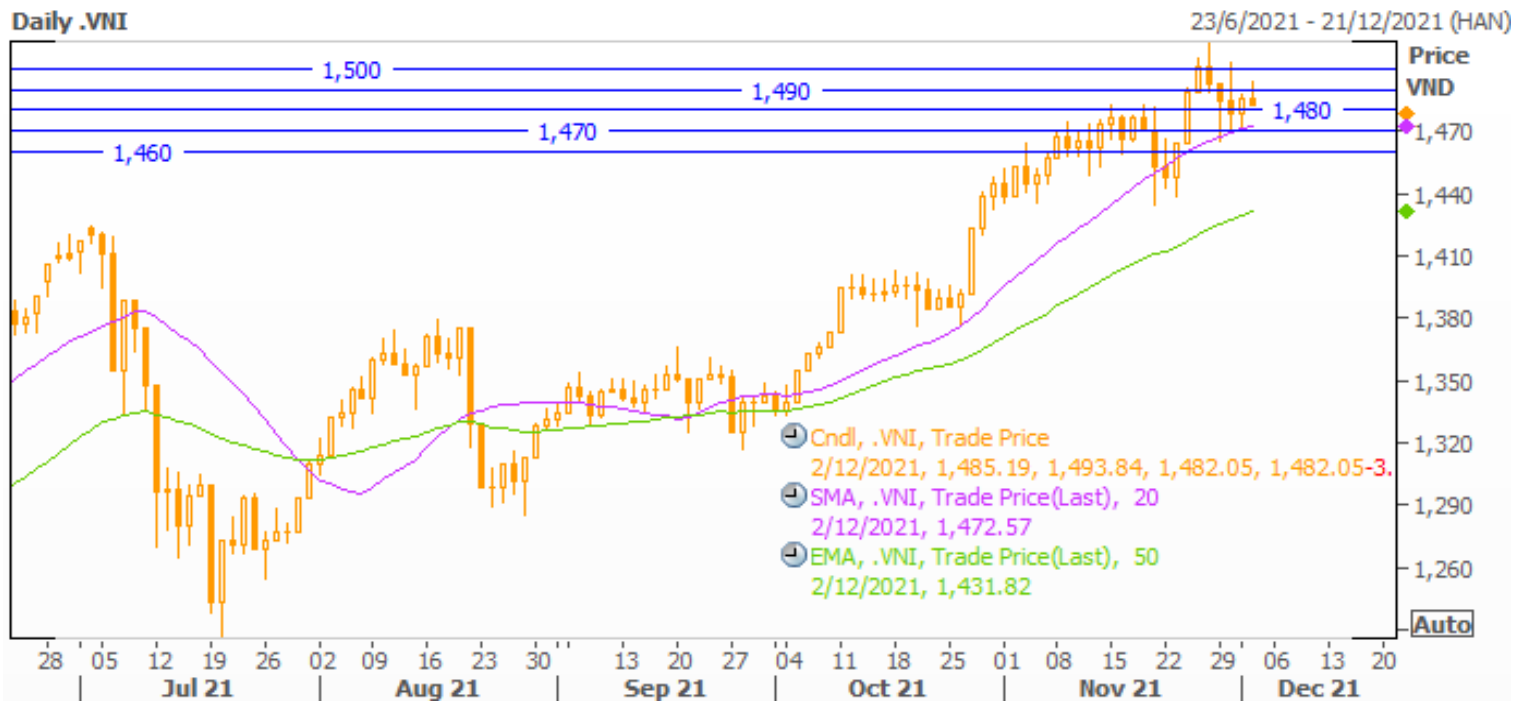
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Thị trường lao động Mỹ đón thông tin tích cực.** Cụ thể, Bộ Lao động Mỹ cho biết số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại quốc gia này ở mức 222 nghìn đơn trong tuần kết thúc ngày 27/11, tăng lên từ mức 194 nghìn đơn của tuần trước đó, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức 238 nghìn đơn theo dự báo của các chuyên gia. Số đơn trung bình trong 4 tuần gần nhất ở mức 238,8 nghìn đơn, giảm so với mức 251 nghìn đơn của 4 tuần trước đó. Một số ý kiến dự đoán số đơn xin trợ cấp có thể tăng nhẹ trong các tuần cuối năm 2021, ngay trước mùa lễ Giáng sinh, song chắc chắn sẽ giảm trở lại trong thời điểm đầu năm 2022, khi các doanh nghiệp hoạt động trở lại. Sự xuất hiện của biến chủng mới Omicron có thể tác động lên thị trường lao động Mỹ, song sẽ không quá bất ngờ như các lần sóng dịch bệnh trước đây. Hôm nay, ngày 03/12, nước Mỹ tiếp tục chờ đợi những thông tin quan trọng khác về thị trường lao động trong tháng 11.
- Tỷ lệ thất nghiệp tại Eurozone giảm nhẹ.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực Eurozone ở mức 7,3% trong tháng 10, giảm nhẹ từ mức 7,4% của tháng 9 và khớp với dự báo. Trong khu vực Liên minh EU, tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 10 ở mức 6,7%; không thay đổi so với kết quả thống kê của tháng 9. Đây là các mức thất nghiệp tích cực nhất của Eurozone nói riêng và EU nói chung kể từ sau cuộc khủng hoảng năm 2008 cho tới nay. Mặc dù vậy, các chuyên gia đang quan ngại tỷ lệ thất nghiệp tại hai khu vực này có thể tăng lên trong những tháng tiếp theo, do tình hình dịch bệnh tại đây đang rất phức tạp và nhiều quốc gia phải quay lại tình trạng phong tỏa.
- Nước Úc đón một số thông tin kinh tế quan trọng.** Đầu tiên, doanh số bán lẻ tại quốc gia này tăng 4,9% m/m trong tháng 10, nối tiếp đà tăng 1,3% của tháng 9 và đồng thời tích cực hơn mức tăng 2,5% theo kỳ vọng. Đây là mức tăng doanh số bán lẻ theo tháng mạnh nhất kể từ tháng 11/2020. Nguyên nhân chính do một số bang tại Úc kết thúc tình trạng phong tỏa xã hội vào ngày 11/10. Tiếp theo, cán cân thương mại Úc thặng dư 11,22 tỷ AUD trong tháng 10, thấp hơn mức thặng dư 11,82 tỷ của tháng 9 và đồng thời thấp hơn mức thặng dư 11,25 tỷ theo dự báo. Mặc dù vậy, mức thặng dư trên vẫn cao thứ 4 kể từ đầu năm nay.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
02-12	7:30	*	Doanh số bán lẻ Úc mm T10	4,9	2,5	1,3
02-12	17:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp Eurozone T10	7,3	7,3	7,4
02-12	20:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we	222K	238K	194K
03-12	16:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone T11		56,6	56,6
03-12	16:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Anh T11		58,6	58,6
03-12	17:00	*	Doanh số bán lẻ Eurozone mm T10		0,3	-0,3
03-12	20:30	***	Thu nhập bình quân theo giờ tại Mỹ mm T11		0,4	0,4
03-12	20:30	***	Số việc làm thay đổi khu vực phi nông nghiệp Mỹ T11		553K	531K
03-12	20:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ T11		4,5	4,6
03-12	22:00	***	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ T11		64,9	66,7

VN-INDEX



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1482,05 điểm. Ngưỡng 1480 điểm vẫn đang thể hiện là vùng hỗ trợ tốt đối với VN-Index. Có thể thị trường sẽ tiếp tục đi ngang trong ngắn hạn, trước khi quay lại thử thách ngưỡng 1500 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.470 – 1.460

Ngưỡng kháng cự: 1.490 – 1.500

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn